

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **85/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/8/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tiền.

2. Bà Lê Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Lê Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 923, đường H, phường 9, quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 294/4, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: tổ NDTQ số 14, ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022, bản khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 19/5/2022, nguyên đơn chị Lê Nguyễn Thanh T có lời trình bày:

Chị và anh Nguyễn Nhựt T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/3/2018.

Trong quá trình sống chung với nhau lúc đầu có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì hai người phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng mà nguyên nhân là do anh Trường bỏ bê không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải chồng nhưng chồng chị vẫn không thay đổi từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, cuộc sống ngột ngạt làm ảnh hưởng đến việc phát triển tâm sinh lý cũng như đời sống tinh thần của hai mẹ con chị. Kể từ thời gian đó, chị và con chị chuyển về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T cho đến nay.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả đôi bên. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Nhật T, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn vì chị đủ khả năng nuôi sống được bản thân chị và chị cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật Trâm A, sinh ngày 22/6/2018, hiện đang sống chung với chị và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Nguyễn Nhật T do vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã đến mức trầm trọng; cả hai sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn; về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật Trâm A, sinh ngày 22/6/2018, hiện đang sống chung với chị T và ghi nhận chị T không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn trình bày không có vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/3/2018, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn, thời gian sống chung với nhau chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn đến đầu năm 2019 thì hai người phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng mà nguyên nhân là do anh T bỏ bê không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải chồng nhưng chồng chị vẫn không thay đổi từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung làm ảnh hưởng đến việc phát triển tâm sinh lý cũng như đời sống tinh thần của hai mẹ con chị, hiện nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với bị đơn không còn nên yêu cầu được ly hôn, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn cương quyết ly hôn và có ý kiến đề nghị không cần hòa giải, bị đơn cũng không tự nguyện đến Tòa án theo thông báo của Tòa án để giải quyết nội dung xin ly hôn của nguyên đơn

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy được ghi nhận, bị đơn không có mặt tại phiên tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt Trâm A, sinh ngày 22/6/2018, hiện đang sống chung với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung; đối với nguyên đơn, sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi cháu Trâm A và phía anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi cháu vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là phù hợp với việc đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0006323 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Nhựt T.

Ghi nhận chị Lê Nguyễn Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Nhựt T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Lê Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Nhựt Trâm A, sinh ngày 22/6/2018, hiện đang sống chung với chị T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Lê Nguyễn Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Nhựt T cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Nhựt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0006323 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- UBND phường 9, Quận 6, TP Hồ Chí Minh; tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường